TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:403/2018/HNGĐ-ST
Ngày:08/5/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Ngọc Xuân

2. Ông Phan Thanh Tùng

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Ngon - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1286/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018 /QĐST- HNGĐ ngày 20/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm H

Địa chỉ: Số N đường C, Phường B, Quận T, Thành phố M.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông N, sinh năm H

Địa chỉ: Số N đường C, Phường B, Quận T, Thành phố M

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn bà T trình bày: Bà T và ông N sống chung năm 2009 có đăng ký kết hôn số 61 quyển số 01/2009 ngày 17/4/2009 tại Uỷ ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố M. Vợ chồng sống không hạnh phúc do không hợp tính tình và cách sống, thường xuyên gây cãi dù là chuyện nhỏ, từ đó tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt. Từ năm 2015 đến nay

vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N. Quá trình chung sống vợ chồng ông N và bà T có một con chung tên A, sinh ngày MNM. Hiện nay con chung đang sống với bà T, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng ông N và bà T không có tài sản chung và không có nợ chung. Về án phí dân sự sơ thẩm bà T xin chịu toàn bộ.

Bị đơn ông N vắng mặt nên không thu được lời khai cũng như không hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ pháp luật, không có vi phạm tố tụng; Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn của bà T thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng:

Bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Nghĩa.

[3]. Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự :

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N sống chung năm 2009 có đăng ký kết hôn số 61 quyển số 01/2009 ngày 17/4/2009 tại Uỷ ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố M nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà T và ông N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vắng mặt. Vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Bà T xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, bà T không còn tình cảm với ông N, không thể kéo dài đời sống chung nên cương quyết xin ly hôn. Bản thân ông N cũng không có mặt tại phiên tòa giải quyết quan hệ hôn nhân của ông và bà T chứng tỏ ông N không còn tha thiết duy trì quan hệ hôn nhân với bà T. Có cơ sở xác định cuộc sống gia đình của ông N và bà T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn ông N của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy ông N và bà T có một con chung tên A, sinh ngày MNM. Việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là nghĩa vụ và quyền lợi của cha mẹ. Xét tình trạng thực tế hiện nay con chung đang sống chung với bà T. Bà T

có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và con chung cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ, vì vậy tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Xét bà T không có yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông N đến khi bà T có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung bà T tự khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử vắng mặt đối với ông N:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà T:

-Về hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông N.

-Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi một con chung tên A, sinh ngày MNM. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông N đến khi bà T có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp phí tổn nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung : Bà T khai không có nên Tòa không đặt vấn đề giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0013876 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Bà T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông N vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THA DS Q8;
- UBND P.B Q.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thúy Hòa